CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY, L=THỊ XÃ CAI LẬY, ST=TIỀN GIANG, UID=MST:1200505472
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.19 09:58:29+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.3.0

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026

Tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7-26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Mạnh Hòa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Thành Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Tài	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc ngày 01/09/2026
Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền	Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc; Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc ngày 01/09/2026

Kế toán trưởng

Bà Võ Thị Lệ Trinh

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám Đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Theo giấy ủy quyền số 02/2026/UQ-CTHĐQT-MKV ngày 01 tháng 09 năm 2026 của ông Đào Mạnh Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị, đồng thời là đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy, ủy quyền cho Bà Phan Nguyễn Thanh Huyền - Giám đốc là người ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 01/07/2026 đến 30/09/2026

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
MSDN: 1200585472

Phan Nguyễn Thanh Huyền
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 19 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**99,715,454,886**	**87,576,509,444**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3,263,935,246**	**14,417,417,701**
Tiền	111	4	3,263,935,246	3,417,417,701
Các khoản tương đương tiền	112	4	-	11,000,000,000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**48,683,097,261**	**27,274,076,712**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	48,683,097,261	27,274,076,712
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**23,826,049,384**	**27,068,788,848**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22,884,550,240	24,861,317,208
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		578,522,128	1,342,317,846
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	362,977,016	865,153,794
Hàng tồn kho	**140**		**23,037,488,695**	**18,203,982,774**
Hàng tồn kho	141	8	23,037,488,695	18,203,982,774
Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**904,884,300**	**612,243,409**
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	9	775,214,355	513,595,933
Thuế GTGT được khấu trừ	162	15	156,282	30,438,561
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	15	129,513,663	68,208,915
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**27,085,325,423**	**28,502,190,937**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	6	-	-
Tài sản cố định	**220**		**24,902,333,772**	**27,012,288,735**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	24,902,333,772	27,012,288,735
- Nguyên giá	*222*		*102,361,092,196*	*101,268,586,753*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(77,458,758,424)*	*(74,256,298,018)*
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	*228*		*260,000,000*	*260,000,000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(260,000,000)*	*(260,000,000)*
Tài sản dở dang dài hạn	**250**		-	**81,999,000**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**252**		-	81,999,000
Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		-	-
Đầu tư vào công ty con	261		-	-
Tài sản dài hạn khác	**270**		**2,182,991,651**	**1,407,903,202**
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	414,349,230	358,841,944
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1,768,642,421	1,049,061,258
TỔNG TÀI SẢN	**280**		**126,800,780,309**	**116,078,700,381**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**18,500,893,490**	**12,042,510,833**
Nợ ngắn hạn	**310**		**18,500,893,490**	**12,042,510,833**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3,408,343,777	1,292,264,493
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65,413,980	135,212,325
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1,264,545	1,264,545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	15	2,073,487,172	365,943,366
Phải trả người lao động	315		1,784,655,863	1,572,714,751
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	10	11,127,310,509	8,693,582,699
Phải trả ngắn hạn khác	320	11	77,648,725	18,759,735
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(37,231,081)	(37,231,081)
Nợ dài hạn	**330**		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**108,301,677,343**	**104,036,189,548**
Vốn góp của chủ sở hữu	411	16.1	50,000,380,000	50,000,380,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*	*16.2*	*50,000,380,000*	*50,000,380,000*
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(380,000)	(380,000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	16.4	69,863,124	69,863,124
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58,230,023,695	53,966,326,424
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*420a*		*53,966,326,424*	*37,076,062,945*
- LNST chưa phân phối năm nay	*420b*		*4,263,697,271*	*16,890,263,479*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**126,800,780,309**	**116,078,700,381**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
MSDN: 1200505472

Phan Nguyễn Thanh Huyền	**Võ Thị Lệ Trinh**	**Nguyễn Hồng Thể**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2026		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**17**	**42,335,354,896**	**46,531,435,444**	**118,588,014,658**	**121,429,267,729**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17a	2,701,790,998	4,371,682,371	7,530,938,204	12,030,708,957
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**39,633,563,898**	**42,159,753,073**	**111,057,076,454**	**109,398,558,772**
Giá vốn hàng bán	11	17b	28,357,671,660	27,536,078,116	78,131,314,533	73,829,890,791
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**11,275,892,238**	**14,623,674,957**	**32,925,761,921**	**35,568,667,981**
Doanh thu hoạt động tài chính	22	17c	786,665,487	152,271,483	2,015,184,897	497,924,926
Chi phí tài chính	23	17d	984,205,226	1,194,733,647	2,663,126,672	3,057,039,066
Trong đó: Chi phí lãi vay	*24*				-	-
Chi phí bán hàng	25	17e	5,990,848,082	6,461,765,644	19,529,088,755	16,132,735,135
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17e	2,532,080,846	7,631,428	7,386,713,250	4,480,171,668
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**2,555,423,571**	**7,111,815,721**	**5,362,018,141**	**12,396,647,038**
Thu nhập khác	31	17f	1,796,953	52,708	2,389,667	296,938
Chi phí khác	32	17g	44,781	3,539	27,468,416	1,026,302
Lợi nhuận khác	**40**		**1,752,172**	**49,169**	**(25,078,749)**	**(729,364)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**2,557,175,743**	**7,111,864,890**	**5,336,939,392**	**12,395,917,674**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17h	511,457,179	1,422,373,686	1,792,823,284	1,810,098,801
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	(719,581,163)	669,289,995
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**2,045,718,564**	**5,689,491,204**	**4,263,697,271**	**9,916,528,878**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**17i**	**409**	**1,138**	**853**	**1,983**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
MSDN: 1200505472

Phan Nguyễn Thanh Huyền	**Võ Thị Lệ Trinh**	**Nguyễn Hồng Thể**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/09/2025
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**5,336,939,392**	**12,395,917,674**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,13	3,202,460,406	3,112,492,618
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(970,372,195)	(497,924,926)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***7,569,027,603***	***15,010,485,366***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,969,747,948	7,734,985,794
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,833,505,921)	(3,487,894,699)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,447,211,773	(3,598,810,878)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(317,125,708)	(568,958,130)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(62,071,237)	(427,245,295)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	210,000,004
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***9,773,284,458***	***14,872,562,162***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,010,506,443)	(684,172,269)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21,409,020,549)	6,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,492,760,079	533,755,063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(20,926,766,913)***	***5,849,582,794***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(11,153,482,455)**	**20,722,144,956**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**14,417,417,701**	**15,174,991,167**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**3,263,935,246**	**35,897,136,123**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
DƯỢC THÚ Y CAI LẬY
MSDN: 1200505412

Phan Nguyễn Thanh Huyền	**Võ Thị Lệ Trinh**	**Nguyễn Hồng Thể**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 10 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy, (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200505472 ngày 28 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu phố Mỹ Cần, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 14 ngày 30/06/2026 là 50.000.380.000 đồng (Năm mươi tỷ ba trăm tám mươi nghìn đồng). Tháng 11/2008, Công ty đã chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là MKV.

Cơ cấu tổ chức:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Công ty có 1 công ty con, như sau:

Công ty	*Địa chỉ*	*Hoạt động chính*	*Tỷ lệ lợi ích của Công ty*	*Quyền biểu quyết của Công ty*
Công ty TNHH Dược Thú y Cai Lậy	Khu phố Mỹ Cần, Phường Cai Lậy, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	100,00%	100,00%

Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy được thành lập vào ngày 20 tháng 11 năm 2025 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201716525 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp với số vốn điều lệ đăng kí là 100.000.000 VND. Công ty con có hoạt động chính là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Tại ngày 03 tháng 03 năm 2026, Công ty Cổ phần Dược Thú Y Cai Lậy thực hiện việc góp vốn vào công ty con. Ngày 22 tháng 9 năm 2026, Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy nhận được Thông báo số 8245 của Cơ quan Thuế về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và hiện đang thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty TNHH Dược thú y Cai Lậy chưa phát sinh hoạt động kinh doanh.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y; Sản xuất Premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Khai thác thủy sản biển. Chi tiết: Đánh bắt thủy sản, hải sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế biến hàng nông sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh thuốc thú y; Kinh doanh Premix, dưỡng chất, thức ăn dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Kinh doanh nguyên vật liệu, bán thành phẩm, hóa chất, Vacxin phục vụ ngành chăn nuôi thú y và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh phân bón;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, hải sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (tiếp)

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh hàng nông sản, lâm sản; Kinh doanh giống cây trồng;
- Chăn nuôi gia cầm. Chi tiết: Sản xuất con giống gia súc, gia cầm, thủy sản; Chăn nuôi gia cầm;
- Trồng lúa;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chăn nuôi lợn;
- Sản xuất, gia công, chế biến hàng lâm sản;
- Sản xuất, gia công hàng trang trí nội thất, ngoại thất, đồ gỗ;
- Trang trại chăn nuôi theo quy mô công nghiệp;và
- Sản xuất và kinh doanh chất xử lý môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh thuốc thú y.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ 01/07/2026 đến 30/09/2026.

2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho giao đoạn hoạt động từ 01/07/2026 đến 30/09/2026.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, tức từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng…) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 31
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	06

3.7 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	10

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một các chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận các khoản lãi.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Công ty do Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin đầu tư. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/07/2026 đến ngày 30/09/2026 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	102,319,578	160,717,534
Tiền gửi không kỳ hạn	3,161,615,668	3,256,700,167
Các khoản tương đương tiền	-	11,000,000,000
	3,263,935,246	**14,417,417,701**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	40,500,000,000	18,000,000,000
Cho vay	7,550,000,000	9,000,000,000
Phải thu ngắn hạn HĐ SXKD khác	633,097,261	274,076,712
	48,683,097,261	**27,274,076,712**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**22,884,550,240**	-	**24,861,317,208**	-
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn dược thú y Việt Nam	-	-	15,947,782,925	-
Công ty TNHH MTV SX-TM-DV Trần Đệ	130,567,670	-	277,315,909	-
Đỗ Quốc Dũng	-	-	109,969,063	-
Phồn Thịnh	571,738,695	-	512,975,747	-
HKD Cửa hàng thuốc thú y Lộc Phát	211,904,014	-	204,000,909	-
Công ty TNHH TTY Quốc Duy	260,012,404	-	238,711,523	-
Công ty TNHH Thuốc Thú Y Thảo Thủy	336,204,827	-	165,030,489	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	21,374,122,630	-	7,405,530,643	-
Dài hạn	-	-	-	-
	22,884,550,240	-	**24,861,317,208**	-
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**362,977,016**	-	**865,153,794**	-
- Tạm ứng cho nhân viên	310,327,016	-	265,831,519	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	52,650,000	-	587,700,000	-
- Các khoản chi hộ	-	-	10,934,000	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	688,275	-
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
	362,977,016	-	**865,153,794**	-

8. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	16,627,893,359	-	11,137,893,276	-
Thành phẩm	6,163,025,822	-	6,759,607,559	-
Hàng hóa	246,569,514	-	306,481,939	-
	23,037,488,695	-	**18,203,982,774**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**775,214,355**	**513,595,933**
- Chi phí vật tư phân bổ sản xuất	162,438,140	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14,669,445	39,489,006
- Chi phí mua bảo hiểm	130,641,735	146,878,051
- Chi phí sửa chữa bảo trì	115,041,476	194,956,899
- Các khoản khác	352,423,559	132,271,977
Dài hạn	**414,349,230**	**358,841,944**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,049,914	2,469,664
- Chi phí sửa chữa	267,841,500	126,388,889
- Các khoản khác	145,457,816	229,983,391
	1,189,563,585	**872,437,877**

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**11,127,310,509**	**8,693,582,699**
- Thù lao HĐQT & Ban Kiểm Soát	108,000,000	144,000,000
- Chi phí chiết khấu	6,740,588,125	6,089,542,920
- Chi phí khác	4,278,722,384	2,460,039,779
Dài hạn	-	-
	11,127,310,509	**8,693,582,699**

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**77,648,725**	**18,759,735**
- Kinh phí công đoàn	17,053,725	18,759,735
- Phải trả khác	60,595,000	-
	77,648,725	**18,759,735**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2026	**36,887,812,125**	**59,138,566,093**	**5,242,208,535**	**101,268,586,753**
- Mua trong năm	-	1,092,505,443	-	1.092.505.443
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
30/09/2026	**36,887,812,125**	**60,231,071,536**	**5,242,208,535**	**102,361,092,196**
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2026	**(16,595,649,424)**	**(53,612,120,964)**	**(4,048,527,630)**	**(74,256,298,018)**
- Khấu hao trong năm	(1,145,944,488)	(1,901,809,908)	(154,706,010)	(3.202.460.406)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
30/09/2026	**(17,741,593,912)**	**(55,513,930,872)**	**(4,203,233,640)**	**(77,458,758,424)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2026	**20,292,162,701**	**5,526,445,129**	**1,193,680,905**	**27,012,288,735**
30/09/2026	**19,146,218,213**	**4,717,140,664**	**1,038,974,895**	**24,902,333,772**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2026	**260,000,000**	**260,000,000**
30/09/2026	**260,000,000**	**260,000,000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2026	**(260,000,000)**	**(260,000,000)**
- Khấu hao trong năm	-	-
30/09/2026	**(260,000,000)**	**(260,000,000)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2026	-	-
30/09/2026	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	**3,408,343,777**	**3,408,343,777**	**1,292,264,493**	**1,292,264,493**
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Mavin	750,000,000	750,000,000	-	-
- CTy Lva Việt Nam	1,116,000,060	1,116,000,060	-	-
- CTy Phát Triển Hải Đăng	312,500,003	312,500,003	-	-
- Công Ty Cổ Phần XNK Dược Mặt Trời	-	-	635,200,000	635,200,000
- Phải trả người bán khác	1,229,843,714	1,229,843,714	657,064,493	657,064,493
Phải trả người bán dài hạn		-	-	-
	3,408,343,777	**3,408,343,777**	**1,292,264,493**	**1,292,264,493**
Phải trả người bán là bên liên quan	**750,000,000**	**750,000,000**	-	-
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Mavin	750,000,000	750,000,000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/09/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	230,423,548	6,364,852,301	6,353,058,134	242,217,715
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	62,071,237	1,792,823,284	62,071,237	1,792,823,284
- Thuế thu nhập cá nhân	73,448,581	421,842,742	456,845,150	38,446,173
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
	365,943,366	**8,579,518,327**	**6,871,974,521**	**2,073,487,172**

	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/09/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Phí, lệ phí và các khoản khác	25,033,737	-	-	25,033,737
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	43,175,178	117,803,693	179,108,441	104,479,926
- Thuế giá trị gia tăng	30,438,561	4,100,318,878	4,130,601,157	156,282
	98,647,476	**4,218,122,571**	**4,309,709,598**	**129,669,945**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2025	**50,000,380,000**	**(380,000)**	**69,863,124**	**37,076,062,945**	**87,145,926,069**
- Lãi trong năm	-	-	-	9,916,528,878	9,916,528,878
30/09/2025	**50,000,380,000**	**(380,000)**	**69,863,124**	**46,992,591,823**	**97,062,454,947**
01/01/2026	**50,000,380,000**	**(380,000)**	**69,863,124**	**53,966,326,424**	**104,036,189,548**
- Lãi trong năm	-	-	-	4,263,697,271	4,263,697,271
- Giảm khác	-	-	-	-	-
30/09/2026	**50,000,380,000**	**(380,000)**	**69,863,124**	**58,230,023,695**	**108,299,886,819**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	28,588,790,000	28,588,790,000
Các cổ đông khác	21,411,590,000	21,411,590,000
	50,000,380,000	**50,000,380,000**

16.3 CỔ PHIẾU

	30/09/2026 CP	01/01/2026 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,038	5,000,038
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,000,038	5,000,038
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(38)	(38)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
* *Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)*	*10,000*	*10,000*

16.4 CÁC QUỸ

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	69,863,124	69,863,124

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND
Doanh thu	**42,335,354,896**	**46,531,435,444**
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	42,335,354,896	46,531,435,444
	42,335,354,896	**46,531,435,444**
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

Tổng doanh thu quý 3/2026 trước chiết khấu giảm trừ trực tiếp là 43,621,140,069 VND (quý 3/2025 là 49,940,570,347 VND), trong đó chiết khấu giảm trừ trực tiếp vào doanh thu là 1,285,785,173 VND (quý 3/2025 là 3,409,134,903 VND). Doanh thu còn lại phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh sau khi giảm trừ chiết khấu của quý 3/2026 là 42,335,354,896 VND (quý 3/2025 là 46,531,435,444 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

a. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	2,701,790,998	4,371,682,371
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	2,623,221,028	3,859,180,590
- Hàng bán bị trả lại	78,569,970	512,501,781
	2,701,790,998	**4,371,682,371**

b. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	28,357,671,660	27,536,078,116
	28,357,671,660	**27,536,078,116**

c. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	786,665,102	152,271,483
- Lãi chênh lệch tỷ giá	385	-
	786,665,487	**152,271,483**

d. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND
- Chiết khấu thanh toán	984,205,226	1,194,666,345
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	67,302
	984,205,226	**1,194,733,647**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

e. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng	**5,990,848,082**	**6,461,765,644**
- Chi phí nhân viên bán hàng	3,035,671,641	2,397,071,882
- Chi phí vật liệu, bao bì	15,117,505	6,321,212
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	10,485,554	19,009,668
- Chi phí khấu hao TSCĐ	51,568,669	5,630,092
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	949,834,606	1,257,678,482
- Chi phí bán hàng khác	1,928,170,107	2,776,054,308
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**2,532,080,846**	**7,631,428**
- Chi phí nhân viên quản lý	913,949,439	943,798,788
- Chi phí đồ dùng văn phòng	104,756,658	52,067,730
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,425,000	1,425,000
- Thuế phí, lệ phí	44,777,109	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,371,827,461	(1,064,149,697)
- Chi phí quản lý khác	95,345,179	74,489,607

f. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
- Các khoản khác	1,796,953	52,708
	1,796,953	**52,708**

g. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	-	-
- Các khoản chi phí khác	44,781	3,539
	44,781	**3,539**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

h. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2,557,175,743**	**7,111,864,890**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	**44,781**	**3,539**
- Chi phí khác	44,781	3,539
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
-Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**2,557,220,524**	**7,111,868,429**
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	511,457,179	1,422,373,686
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**511,457,179**	**1,422,373,686**

i. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2,045,718,564	5,689,491,204
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	5,000,000	5,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	**409**	**1,138**

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	48,942,337,578	45,479,801,943
Chi phí nhân công	6,588,811,634	5,903,186,705
Khấu hao tài sản cố định	1,071,492,716	1,247,413,352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,924,015,657	1,280,455,621
Chi phí bằng tiền khác	2,494,247,763	2,978,878,490
	62,020,905,348	**56,889,736,111**

19. THÔNG TIN KHÁC

19.1 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Hiện tại Công ty đang có các hợp đồng thuê đất sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Hợp đồng số 393/HĐTĐ ngày 02 tháng 02 năm 2015, với Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Tháp, theo đó, Công ty được thuê đất tại Khu phố Mỹ Cần, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích đất thuê là: 6.586,7 m2; thời hạn thuê đến ngày 20 tháng 08 năm 2029 để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuốc thú y.

Hợp đồng số 4138/HĐTĐ ngày 08 tháng 09 năm 2020, với Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Tháp, theo đó, Công ty được thuê đất tại khu phố Mỹ Cần, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích đất thuê là: 20.049,70 m2; thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 01 năm 2046 để xây dựng cơ sở sản xuất thuốc thú y.

19.2 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mavin	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Dược Thú Y Cai Lậy	Công ty con

Thu nhập Ban Giám Đốc

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc	**454,100,000**	**453,998,146**
- Thù lao của Hội đồng quản trị, BKS	36,000,000	36,000,000
- Thu nhập Ban Giám Đốc	418,100,000	417,998,146

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/07/2026 đến 30/09/2026 VND	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 VND
Mua hàng từ các bên liên quan	**750,000,000**	**750,000,000**
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Mavin	750,000,000	750,000,000
Bán hàng cho các bên liên quan	**-**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Công ty Cổ Phần Dược Thú Y Cai Lậy theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/07/2025 đến 30/09/2025 và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/07/2026 đến 30/09/2026.

Phan Nguyễn Thanh Huyền	**Võ Thị Lệ Trinh**	**Nguyễn Hồng Thể**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 10 năm 2026